TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2026
V/v *tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Xuân Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con chung"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2026/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số D, đường N, phường D, thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị N*: Ông Lê Phước H, sinh năm 1980; Địa chỉ liên hệ: đường T (nối dài), ấp L, xã C, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã N, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2023 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cải. Tuy nhiên, 02 bên gia đình có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành, do ông S thường không chăm lo cuộc sống chung của gia đình và không còn sống chung từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông S.

- *Về quan hệ con chung*: Bà N và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023, hiện con chung đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Trần Thị N được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023. Ông S không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Bà N trình bày không có; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay, ông S vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông S là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị N khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn S. Ông S có nơi cư trú trên địa bàn xã N, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang; thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn S xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2023; ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà N trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2025 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị N xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử nghỉ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị N.

- *Về quan hệ con chung*: Bà N và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023; hiện con chung đang sống với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023. Không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà N và ông S không còn sống chung trong khoảng thời gian dài; thì bà N vẫn đảm bảo về điều kiện chăm sóc tốt cho con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu T phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử nghỉ nên giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023 cho bà N được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp

dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Văn S không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị N khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông S trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

2) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

3) *Về quan hệ con chung*: Bà Trần Thị N được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 09/11/2023. Ông S không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông S trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số: 306257 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thị N đã nộp đủ.

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 ;
- Phòng THADS Khu vực 11 ;
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh